

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao số lượng cán bộ, công chức
xã, phường, thị trấn tỉnh Nam Định

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1526/TTr-SNV ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Nam Định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao số lượng cán bộ để đảm nhận các chức vụ cán bộ cấp xã được quy định tại Khoản 2, Điều 61 Luật cán bộ, công chức năm 2008 và Khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ, gồm: Bí thư đảng ủy, Phó bí thư đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân; Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc, Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ, Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh.

1. Số lượng cán bộ đối với từng loại đơn vị hành chính cấp xã cụ thể như sau:

| Xã, phường, thị trấn | Số lượng |
|-----------------------------|-----------------|
| Xã, thị trấn loại I | 11 |
| Xã, thị trấn loại II và III | 10 |
| Phường loại I | 10 |
| Phường loại II | 9 |

2. Chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã do Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã kiêm nhiệm.

3. Với những phường hiện đang có người giữ chức danh Chủ tịch Hội Nông dân thì giữ nguyên chức danh Chủ tịch Hội Nông dân; Khi những phường đó có biến động về nhân sự chức danh Chủ tịch Hội Nông dân, thì sẽ bổ trí kiêm nhiệm chức danh này.

Điều 2. Giao số lượng công chức đối với từng loại đơn vị hành chính cấp xã

1. Số lượng công chức cụ thể như sau:

| Chức danh | Số lượng | | | | |
|---|---------------|---------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| | Phường loại 1 | Phường loại 2 | Xã, thị trấn loại 1 | Xã, thị trấn loại 2 | Xã, thị trấn loại 3 |
| Chỉ huy trưởng Quân sự | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Tư pháp - hộ tịch | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Văn phòng - thống kê | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 |
| Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã) | 3 | 2 | 3 | 2 | 1 |
| Tài chính - kế toán | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 |
| Văn hóa - xã hội | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Tổng số công chức | 12 | 11 | 11 | 10 | 8 |

2. Với những phường hiện đang bổ trí Chủ tịch Hội Nông dân thì chức danh Tài chính - kế toán bổ trí 1 người; Khi Chủ tịch Hội Nông dân có người kiêm nhiệm, thì chức danh Tài chính - kế toán ở phường được bổ trí 2 người.

Điều 3. Chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Điều 4. Giải quyết số cán bộ, công chức cấp xã dôi dư được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020 và bãi bỏ các Quyết định sau:

1. Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 15/6/2010 của UBND tỉnh Nam Định về việc giao số lượng, chức danh và bổ trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

2. Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Điều 1, Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 15/6/2010 của UBND tỉnh.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành; Bộ Chỉ huy Quân sự;
Công an tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- TT HĐND các huyện, thành phố;
- Như Điều 6;
- Lưu: VP1, VP8.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Nghị